TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 04/02/2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Vàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dạng

Ông Nguyễn Thành Đông

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ.

Trong ngày 04 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Cần Thơ. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 12 năm 2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 313/2025/QĐXXST – HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trương Y**, sinh ngày 20/10/1992 (Vắng mặt)

Số căn cước công dân: …., cấp ngày 01/12/2023

Địa chỉ: ấp B, xã V, tỉnh An Giang.

Chỗ ở hiện nay: ấp H, phường N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Anh **Lê M**, sinh ngày 11/11/1991 (Vắng mặt)

Số căn cước công dân: …., cấp ngày 21/9/2022

Địa chỉ: Khu vực A, phường N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện lập ngày 21/8/2025, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Trương Y trình bày:

Về hôn nhân: chị Y và anh Lê M đăng ký kết hôn vào ngày 14/7/2014 tại Ủy ban nhân dân phường D, thị xã N, tỉnh S (nay là Ủy ban nhân dân phường N, thành phố C), và được cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Trong thời gian đầu khi mới chung sống với nhau thì vợ chồng chị chung sống rất hạnh phúc, sau thời gian sống chung vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn

do bất đồng quan điểm trong cuộc sống do anh M sống thiếu chung thủy với chị, anh M quan hệ chung sống với người khác bên ngoài, chị đã nhiều lần khuyên anh nên quan tâm đến tình cảm vợ chồng để cùng lo tương lai cho con, nhưng anh M không nghe, từ đó vợ chồng chị không thể sống chung với nhau được nữa, chị và anh M đã ly thân với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng chị không còn nữa nên tốt nhất là trả tự do cho nhau. Cho nên chị Y yêu cầu được ly hôn với anh Lê M.

Về con chung: chị Y và anh Lê M có hai con chung là cháu Lê N, sinh ngày 19/01/2013 và cháu Lê V, sinh ngày 20/10/2011, hiện nay cháu V đang sống chung với chị, còn cháu N đang sống chung với anh M. Chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê V, sinh ngày 20/10/2011, giao cháu Lê N, sinh ngày 19/01/2013 cho anh M nuôi dưỡng và không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn: chị Y không yêu cầu xem xét.

Chị Y xin được xét xử vắng mặt vì bận đi làm ăn xa.

2/ Bị đơn anh Lê M: Anh M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Y nhưng anh M không có ý kiến phản đối, cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa.

3/ Ý kiến nguyện vọng của cháu Lê N, sinh ngày 19/01/2013: Theo tờ nguyện vọng lập ngày 21/8/2025 cháu N có nguyện vọng muốn sống chung với cha Lê M sau khi cha mẹ ly hôn.

4/ Ý kiến nguyện vọng của cháu Lê V, sinh ngày 20/10/2011: Theo tờ nguyện vọng lập ngày 21/8/2025 cháu V có nguyện vọng muốn sống chung với mẹ Trương Y sau khi cha mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Trương Y khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với anh Lê M cư trú tại Khu vực A, phường N, thành phố Cần Thơ, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Nên Tòa án xác định loại kiện "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về vắng mặt đương sự: Nguyên đơn chị Trương Y vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn anh Lê M đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Y và anh Lê M là những người có

đầy đủ điều kiện kết hôn, ngày 14/7/2014 anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường D, thị xã N, tỉnh S (nay là Ủy ban nhân dân phường N, thành phố C) và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị Y và anh M là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Trong cuộc sống hôn nhân giữa chị Y và anh M, theo chị Y cho rằng hiện nay chị Y và anh M xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh M sống thiếu chung thủy với chị Y, chị Y nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh M không thay đổi, chị Y và anh M đã ly thân với nhau từ năm 2019 đến nay không thể hàn gắn, chị Y muốn trả tự do cho nhau. Cho nên chị Y yêu cầu được ly hôn với anh Lê M. Anh M không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của chị Y. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của chị Y và anh M đã không còn sự quan tâm, thương yêu dành cho nhau, không còn tin tưởng nhau, chị Y đã ly thân với anh M từ năm 2019 đến nay không thể hàn gắn, mâu thuẫn giữa chị Y và anh M là trầm trọng không thể khắc phục, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Trương Y được ly hôn với anh Lê M.

[4] Về con chung: Chị Trương Y và anh Lê M có hai con chung gồm cháu Lê N, sinh ngày 19/01/2013 và cháu Lê V, sinh ngày 20/10/2011, hiện nay cháu V đang sống chung với chị Y, còn cháu N đang sống chung với anh M. Chị Y yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lê V, sinh ngày 20/10/2011, giao cháu Lê N, sinh ngày 19/01/2013 cho anh M nuôi dưỡng. Anh M không có ý kiến gì về việc nuôi con nhưng hiện nay cháu N đã hơn 13 tuổi, cháu V đã hơn 14 tuổi. Theo nguyện vọng của cháu V là muốn sống với mẹ và nguyện vọng của cháu N là muốn sống với cha sau khi cha mẹ ly hôn với nhau. Xét thấy, tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con;* ***nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con****".* Giữa chị Y và anh M không thống nhất thỏa thuận với nhau về việc giao con chung cho ai nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử sẽ quyết định về việc giao con cho ai nuôi dưỡng. Do cháu N đã hơn 13 tuổi, cháu V đã hơn 14 tuổi, cần tôn trọng nguyện vọng của các cháu và cần ổn định môi trường sống, ổn định tâm lý trẻ em nên quyết định giao cháu V cho chị Y tiếp tục nuôi dưỡng; giao cháu N cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định pháp luật. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật cho cha và mẹ đối với người con không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: chị Y và anh M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 của Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Trương Y phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm không có giá ngạch số tiền 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011065, ngày 01/12/2025 của Cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Anh Lê M không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; các khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Y được ly hôn với anh Lê M.

2/ Về con chung:

+ Giao cháu Lê N, sinh ngày 19/01/2013 cho anh Lê M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Chị Trương Y có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

+ Giao cháu Lê V, sinh ngày 20/10/2011 cho chị Trương Y tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Anh Lê M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí sơ thẩm:

Buộc chị Trương Y phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị Trương Y được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011065, ngày 01/12/2025 của cơ quan Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ.

Anh Lê M không phải chịu án phí.

5/ Quyền kháng cáo: Các đương sự đều vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ.

6/ Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Cần Thơ;
- VKSND khu vực 7 – Cần Thơ;
- Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 7 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- UBND phường N, TPCT;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Vàng